TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 5 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 103/2024/DS-ST Ngày: 13 tháng 6 năm 2024 *V/v "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng"*	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 5 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm, gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Ngọc Bích

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Duy Bảo

Bà Trần Nguyệt Mai

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thụy Thùy Trâm – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 5 tham gia phiên tòa*:* Bà Trần Thị Hoa– Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 68/2024/TLST-DS ngày 07 tháng 3 năm 2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng (hợp đồng sử dụng thẻ)" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 95/2024/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 44/2024/QĐST-DS-HPT ngày 22/5/2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần S; Địa chỉ trụ sở: Số B N, Phường H, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh; Địa chỉ nhận thông báo: 278 N, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D – Tổng giám đốc

Pháp nhân nhận ủy quyền: Công ty TNHH MTV Q và khai thác tài sản Ngân hàng S (Công ty S1) - Người đại diện theo pháp luật của công ty: Ông Lê Ngọc T – Tổng Giám đốc (Giấy ủy quyền số 2535A/2022/GUQ-PL ngày 12/10/2022)

Pháp nhân ủy quyền lại cho ông Nguyễn Thành N, sinh năm 1993

Địa chỉ liên hệ: 266 - B N, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh (*Xin vắng mặt*).

Bị đơn: Ông Nguyễn Huỳnh Bảo T1, sinh năm 1979; Địa chỉ: I N, Phường A, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh. (*Vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện đề ngày 21/2/2024, các bản tự khai ngày 02/5/2024, 22/5/2024, 13/6/2024 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (sau đây gọi tắt là Ngân hàng S2) có người đại diện theo ủy quyền là ông Phạm Trường T2, hiện nay người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Thành N trình bày:

Ngân hàng S2 và ông Nguyễn Huỳnh Bảo T1 thỏa thuận ký kết Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều kiện và điều khoản phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng S2 (các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng) ngày 29/10/2019, hạn mức tín dụng là 35.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất 2,77%/tháng (lãi suất trong hạn). Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông T1 đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 63.743.500 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông T1 đã thanh toán cho Ngân hàng S2 số tiền là 59.917.000 đồng. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông T1 vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông T1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán, ngày 23/11/2022, S2 đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ tại thời điểm này là 39.173.642 đồng làm nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn (là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại). Sau khi chuyển nợ quá hạn ông T1 có thanh toán cho Ngân hàng số tiền 3.000.000 đồng, số tiền này được trừ vào nợ gốc 39.173.642 đồng. Tính đến ngày 13/6/2024, ông T1 còn nợ S2 tổng số tiền là 66.726.521 đồng (Sáu mươi sáu triệu, bảy trăm hai mươi sáu nghìn, năm trăm hai mươi mốt đồng). Trong đó bao gồm nợ gốc là 36.173.642 đồng, lãi quá hạn là 30.552.879 đồng. Do đó, S2 khởi kiện yêu cầu ông T1 phải thanh toán làm một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật tổng số tiền tạm tính đến ngày 13/6/2024 là 66.726.521 đồng. Ngoài ra, ông T1 còn phải chịu tiền lãi phát sinh từ ngày 14/6/2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Bị đơn – ông Nguyễn Huỳnh Bảo T1 trong suốt quá trình giải quyết vụ án đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng dưới đây nhưng vẫn vắng mặt, không có lý do:

- Thông báo thụ lý vụ án số 68/TB-TLVA ngày 07/3/2024; Giấy triệu tập số 68-2/GTT-TA ngày 11/3/2024 (đến Tòa án lúc 09 giờ 00 phút ngày 10/4/2024);

- Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số 68/2024/TB-TA ngày 10/4/2024; giấy triệu tập số 68-2/GTT-TA ngày 10/4/2024 (đến Tòa án lúc 10 giờ 00 phút ngày 02/5/2024);

- Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số 68/TB-TA ngày 02/5/2024;

- Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/TB-TA ngày 02/5/2024; Giấy triệu tập số 68-2/GTT-TA ngày 02/5/2024 (đến Tòa án lúc 09 giờ 00 phút ngày 22/5/2024);

- Quyết định hoãn phiên tòa số 44/2024/QĐST-DS-HPT ngày 22/5/2024 (thời gian mở lại phiên tòa lúc 09 giờ 00 phút ngày 13/6/2024);

- Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 95/2024/QĐXXST-DS ngày 05/2/2024 (tham gia phiên tòa lần 02 lúc 09 giờ 00 phút ngày 13/6/2024); Giấy triệu tập số 68-1/GTT-TA ngày 22/5/2024 (đến Tòa án lúc 09 giờ 00 phút ngày 13/6/2024).

Tại phiên toà sơ thẩm,

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt đề ngày 24/5/2024. Đại diện ủy quyền của nguyên đơn có bản tự khai và Tóm tắt sao kê đề ngày 13/6/2024 xác định số nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm (13/6/2024) mà ông T1 phả i có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng S2 là 66.726.521 đồng (Sáu mươi sáu triệu, bảy trăm hai mươi sáu nghìn, năm trăm hai mươi mốt đồng), trong đó nợ gốc là 36.173.642 đồng, lãi quá hạn là 30.552.879 đồng (tiền lãi quá hạn được tính trên số tiền nợ gốc 36.173.642 đồng với lãi suất quá hạn là 4.155 %/tháng). Ngoài ra, ông Nguyễn Huỳnh Bảo T1 còn phải chịu tiền lãi phát sinh từ ngày 14/6/2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Bị đơn vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 5 phát biểu quan điểm:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng quy trình tố tụng giải quyết vụ án.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Toà án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Nguyễn Huỳnh Bảo T1 thanh toán tổng số tiền là 66.726.521 đồng (Sáu mươi sáu triệu, bảy trăm hai mươi sáu nghìn, năm trăm hai mươi mốt đồng), trong đó nợ gốc là 36.173.642 đồng, lãi quá hạn là 30.552.879 đồng. Thanh toán một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Ngoài ra, ông Nguyễn Huỳnh Bảo T1 còn phải chịu tiền lãi phát sinh từ ngày 14/6/2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng. Án phí ông T1 chịu theo quy định pháp luật. Nguyên đơn được hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (sau đây gọi tắt là Ngân hàng S2) khởi kiện, yêu cầu ông Nguyễn Huỳnh Bảo T1 trả tiền nợ theo hợp đồng tín dụng thẻ. Trên hợp đồng thẻ ghi địa chỉ bị đơn tại số I N, Phường A, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh. Kết quả xác minh của Công an P, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh thể hiện ông Nguyễn Huỳnh Bảo T1 có đăng ký tạm trú và thực tế cư trú tại số I N, Phường A, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh. Như vậy, trong quá trình sử dụng thẻ đến nay, ông T1 cư trú tại Quận E. Do đó, Toà án xác định đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự quy định điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải

quyết sơ thẩm của Tòa án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh. Vụ án thuộc trường hợp Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa theo khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Nguyên đơn là Ngân hàng S2 có đơn đề ngày 26/3/2024 đề nghị được vắng mặt khi Tòa án xét xử vụ án. Bị đơn là ông Nguyễn Huỳnh Bảo T1 đã được Tòa án tống đạt hợp lệ: Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2024/QĐXXST-DS ngày 02/5/2024 (tham gia phiên tòa lần 01 lúc 09 giờ 00 phút ngày 22/5/2024); Quyết định hoãn phiên tòa số 44/2024/QĐST-DS-HPT ngày 22/5/2024 (thời gian mở lại phiên tòa lúc 09 giờ 00 phút ngày 13/6/2024); Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 95/2024/QĐXXST-DS ngày 05/2/2024 (tham gia phiên tòa lần 02 lúc 09 giờ 00 phút ngày 13/6/2024) và các giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng giữa ông Nguyễn Huỳnh Bảo T1 và Ngân hàng S2 ký ngày 30/10/2019. Ngày 23/11/2022, Ngân hàng S2 đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Ngày 21/02/2024, Ngân hàng S2 khởi kiện ông T1 để yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi quá hạn là vẫn còn thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 429 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

[3.1] Xét ông Nguyễn Huỳnh Bảo T1 đã ký Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 30/10/2019, loại thẻ tín dụng quốc tế Visa Gold, số thẻ: 472075-2166 với Ngân hàng S2 để vay khoản tiền là 35.000.000 đồng.

[3.2] Theo Bản tóm tắt sao kê do Ngân hàng S2 nộp cho Toà án ngày 13/6/2024, Hội đồng xét xử xác định ông T1 đã bắt đầu sử dụng thẻ từ ngày 22/11/2019. Số tiền ông T1 đã giao dịch là 63.743.500 đồng, số tiền lãi trong hạn là 31.050.963 đồng, các khoản phí là 4.296.179 đồng (gồm phí trễ hạn 2.386.587 đồng, phí vượt hạn mức là 712.592 đồng và phí thường niên 1.197.000 đồng). Số tiền ông T1 đã thanh toán là 62.917.000 đồng. Khoản tiền trên được thanh toán cho các khoản phí/lãi kỳ trước và trong kỳ, các giao dịch rút tiền mặt kỳ trước và trong kỳ, các giao dịch mua hàng hóa kỳ trước và trong kỳ theo điều 20 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng.

Số tiền nợ gốc còn lại được tính theo cách: Số tiền giao dịch - số tiền thanh toán thực tế (số tiền thanh toán thực tế = số tiền ông T1 thanh toán trừ đi các khoản phí và lãi trong hạn).

Số tiền thanh toán thực tế của ông T1 được tính như sau:

62.917.000 đồng – 4.296.179 đồng – 31.050.963 đồng = 27.569.858 đồng.

Số thanh toán Các loại phí Lãi trong hạn

=> Số tiền nợ gốc: 63.743.500 – 27.569.858 đồng = 36.173.642 đồng

Tiền giao dịch Tiền thanh toán thực tế

[3.3] Căn cứ vào Quyết định về việc ban hành biểu phí sản phẩm dịch vụ T3 phát hành tại Việt Nam số 2661/2022/QĐ-TTT ngày 28 tháng 10 năm 2022 do Ngân hàng S2 cung cấp, đối chiếu với thời điểm vay thể hiện mức lãi suất 2.77%/tháng áp dụng cho hợp đồng thẻ tín dụng số 472075-2166 đối với ông T1 là đúng với Quyết định về việc ban hành biểu phí sản phẩm dịch vụ T3. Theo bảng điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng S2 cho thấy việc áp dụng các mức lãi suất theo từng thời kỳ Ngân hàng S2 không cần thông báo trước cho chủ thẻ.

[3.4] Căn cứ vào Điều 23 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của S2 có thể hiện nội dung: *«Việc không thanh toán ít nhất Số Tiền Tối Thiểu của Chủ Thẻ cho đến kỳ phát hành Thông Báo tiếp theo sẽ tạo nên sự vi phạm theo Hợp Đồng.....Khi sự kiện vi phạm xảy ra Chủ thẻ hiểu và đồng ý rằng Đơn Vị Phát Hành Thẻ có thể thực hiện một hoặc nhiều hành động sau :.....- Chấm dứt quyền sử dụng thẻ và tiến hành việc thu hồi nợ. – Áp dụng lãi suất quá hạn đối với toàn bộ Dư nợ theo quy định của Đơn Vị Phát Hành Thẻ»*

[3.5] Căn cứ bản Tóm tắt sao kê ngày 13/6/2024 của Ngân hàng S2 cung cấp cho thấy ngày 23/11/2022 Ngân hàng S2 đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn với dư nợ tại thời điểm này là 39.173.642 đồng làm nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại (lãi suất được áp dụng tại thời điểm hiện tại là 2.77%/tháng theo Quyết định về việc ban hành biểu phí sản phẩm dịch vụ T3 phát hành tại Việt Nam số 2661/2022/QĐ-TTT ngày 28 tháng 10 năm 2022. Tiền lãi quá hạn của ông T1 được ngân hàng tính như sau: (39.173.642 đồng x lãi xuất quá hạn (4.155%/tháng)) : 30 ngày = 54.177 đồng/ngày. Từ ngày 23/11/2022 đến ngày 08/04/2024 là : 503 ngày => Tiền lãi quá hạn là 54.177 đồng x 503 ngày = 27.251.031 đồng. (1)

Ngày 09/04/2024, ông T1 đóng 3.000.000 đồng. Tiền lãi quá hạn của ông T1 được ngân hàng tính như sau: (36.173.642 đồng x lãi suất quá hạn (4.155%/tháng)) : 30 ngày = 50.028 đồng. Từ ngày 09/04/2024 đến ngày 13/06/2024 : 66 ngày => Tiền lãi quá hạn là 50.028 đồng x 66 ngày = 3.301.848 đồng. (2)

=> (1) + (2) = 30.552.879 đồng.

[3.6] Ông T1 không có mặt tại Tòa án để cho lời khai hoặc nêu ý kiến về các khoản tiền gốc, tiền lãi đã thanh toán và các khoản phí mà S2 yêu cầu được xem là ông T1 đã từ bỏ quyền trình bày, đưa ra chứng cứ chứng minh cho mình. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng S2 với số nợ gốc, nợ lãi quá hạn mà Ngân hàng S2 yêu cầu ông T1 phải trả.

[3.7] Từ các nhận định trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng S2 đối với khoản nợ của thẻ tín dụng số: 472075-2166 của ông T1 với tổng số tiền (tạm tính đến ngày 13/6/2024) là 66.726.521 đồng (Sáu mươi sáu triệu, bảy trăm hai mươi sáu nghìn, năm trăm hai mươi mốt đồng), trong đó nợ gốc là 36.173.642

đồng (Ba mươi sáu triệu một trăm bảy mươi ba nghìn sáu trăm bốn mươi hai đồng), lãi quá hạn là 30.552.879 đồng (Ba mươi triệu năm trăm năm mươi hai nghìn tám trăm bảy mươi chín đồng).

[3.8] Về thời hạn thanh toán: Từ tháng 9 năm 2022, ông T1 đã không thanh toán bất kì khoản tiền nào cho Ngân hàng S2. Sau khi chuyển nợ quá hạn, ngày 22/4/2024, ông T1 có thanh toán cho Ngân hàng số tiền 3.000.000 đồng. Từ tháng 5 năm 2024, ông T1 vẫn không thanh toán bất kì khoản tiền nào cho Ngân hàng S2 làm ảnh hưởng đến quyền lợi của Ngân hàng S2. Do vậy, cần buộc ông T1 thanh toán các khoản nợ làm một lần cho Ngân hàng S2 sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[3.9] Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với các chứng cứ trong hồ sơ vụ án và nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn là Ngân hàng S2 được chấp nhận nên bị đơn là ông T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn là Ngân hàng S2.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 266; Điều 267; Điều 271 và Điều 273 Bộ Luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Điều 463 và Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 91 và Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 sửa đổi, bổ sung năm 2017;

- Căn cứ Nghị Quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Căn cứ Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015;

- Căn cứ Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

- Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S:

1.1 Buộc ông Nguyễn Huỳnh Bảo T1 phải trả làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S tổng số tiền là 66.726.521 đồng (Sáu mươi sáu triệu, bảy trăm hai mươi sáu nghìn, năm trăm hai mươi mốt đồng), trong đó nợ gốc là 36.173.642 đồng (Ba mươi sáu triệu một trăm bảy mươi ba nghìn sáu trăm bốn mươi hai đồng), lãi quá hạn là 30.552.879 đồng (Ba mươi triệu năm trăm năm mươi hai nghìn tám trăm bảy mươi chín đồng) theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng

kiêm hợp đồng và bản Điều kiện và điều khoản phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S ngày 30/10/2019 (số thẻ 472075 – 216).

Việc giao nhận tiền do hai bên tự thực hiện hoặc tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

1.2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định pháp luật.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Ông Nguyễn Huỳnh Bảo T1 chịu 3.336.326 đồng (Ba triệu ba trăm ba mươi sáu nghìn ba trăm hai mươi sáu đồng).

2.2. Hoàn tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền 1.512.984 đồng (Một triệu năm trăm mười hai nghìn chín trăm tám mươi tư đồng) theo Biên lai thu số 0036018 ngày 04/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần S và ông Nguyễn Huỳnh Bảo T1 vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc được niêm yết hợp lệ. Viện Kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện Kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7, 7a,7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKS nhân dân Quận 5;
- Chi Cục THADS Quận 5;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Ngọc Bích